

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 7 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình phát triển công nghiệp, thương mại tháng 7 năm 2022**

#### **I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:**

##### **1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:**

###### **1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp:**

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 7/2022 tăng 0,12% so với tháng trước và tăng 15,93% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,87%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 62,94%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,31%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 10,86% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 7 tháng đầu năm 2022 tăng 10,21% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Lĩnh vực công nghiệp khai khoáng tăng 0,4%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,75%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 51,24%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,19% so với cùng kỳ năm trước.

###### **1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Tháng 7/2022, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Điện sản xuất tăng 133,32%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 65,01%; dăm gỗ tăng 34,54%; bia lon tăng 27,36%; bộ com-lê, quần áo tăng 11,58%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Tinh bột sắn tăng 5,0%; quặng inmenit tăng 4,33%; điện thương phẩm tăng 1,01%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Dầu nhựa thông giảm 42,2%; phân hóa học giảm 30,99%; tấm lợp pro xi măng giảm 27,47%; nước hoa quả, tăng lực giảm 24,13%; đá xây dựng giảm 25,69%; quặng zircon giảm 19,06%; săm xe các loại giảm 18,47%; gạch xây dựng giảm 11,59%; lốp xe các loại giảm 5,96%; ván ép giảm 1,31% so với tháng cùng kỳ năm trước.

##### **2. Lĩnh vực thương mại và tiêu dùng:**

###### **2.1 Lĩnh vực thương mại:**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2022 ước đạt 2.362,66 tỷ đồng, tăng 4,11% so với tháng trước và tăng 20,32% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính từ đầu năm 2022, tổng mức

bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 15.414,42 tỷ đồng, tăng 11,93% so với cùng kỳ năm trước<sup>1</sup> và đạt 40,6% so với kế hoạch năm 2022.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương**

- Ban hành và triển khai Kế hoạch về tổ chức làm việc với các doanh nghiệp ngành Công Thương; triển khai thu thập thông tin năng lực sản xuất sản phẩm công nghiệp; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển ngành Công Thương năm 2022 và xây dựng kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư công năm 2023. Đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại trong thời gian tới.

- Đề xuất Sở Khoa học Công nghệ nhiệm vụ thực hiện “Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025”; xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2030; Trình UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thương mại trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt các đề án khuyến công đợt 1 năm 2022, Bộ Công Thương phê duyệt Đề án khuyến công quốc gia đợt 2, năm 2022; Tổ chức rà soát một số nội dung Chương trình khuyến công tỉnh giai đoạn 2021-2022; triển khai Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. Đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng đất cụm công nghiệp; phối hợp xử lý, tháo gỡ vướng mắc cụm công nghiệp vùng Đông huyện Vĩnh Linh.

- Báo cáo các nội dung liên quan về khảo sát thông tin để lập kế hoạch kiểm toán năm 2023 của tỉnh theo yêu cầu Kiểm toán Nhà nước Khu vực II; Kiểm tra, xử lý giao chéo Đường dây 220kV và đường cao tốc Cam Lộ- La Sơn; Kiểm tra tình hình tại dự án điện gió Phong Nguyên, huyện Hướng Hóa; Báo cáo tình hình sử dụng diện tích đất cho thuê để thực hiện các dự án điện gió; Cung cấp sản lượng điện sản xuất; Chủ động ứng phó thiên tai, đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa bão năm 2022.

- Tổ chức Hội nghị tập huấn "Đào tạo phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị"; Hội nghị kết nối cung cầu Quảng Trị năm 2022 tại Sepon Boutique Resort, thị trấn Cửa Việt. Tham gia Hội chợ Thương mại quốc tế khu vực Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS) - Quảng Trị 2022; tổ chức Đoàn cán bộ và doanh nghiệp tỉnh tham dự Chương trình

---

<sup>1</sup> Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 12.578,81 tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 1.970,14 tỷ đồng, tăng 12,97% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 2,129 tỷ đồng, tăng 40,34% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 865,48 tỷ đồng, tăng 17,65% so với cùng kỳ năm trước.

kết nối giao thương giữa nhà cung cấp của khu vực miền Trung - Tây Nguyên với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại.

- Báo cáo kết quả thực hiện Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Quảng Trị và thành phố Hà Nội; kết quả chuyến thăm và làm việc của Đoàn Sở Công Thương tại tỉnh Savanakhet/Lào; báo cáo kết quả kiểm tra về hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh năm 2022. Làm việc với Cty CP Logistics Việt Nam và trình đề nghị UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự toán thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh năm 2022.

- Báo cáo thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội Khóa XIV về công tác bồi thường nhà nước giai đoạn từ 16/7/2021 đến 15/7/2022; Báo cáo Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo từ ngày 01/8/2021 đến 31/7/2022. Báo cáo giải quyết, giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV; Báo cáo nhiệm vụ giải pháp liên quan công tác pháp chế 6 tháng năm 2022. Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tiếp tục xây dựng Quy định chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng, Thanh tra và các phòng thuộc Sở. Thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự đề nghị quy hoạch BCH Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030; Chuẩn bị nội dung và làm việc với Thường trực HĐND tỉnh; phối hợp triển khai công tác Hội nghị ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên lần thứ VII, năm 2022 tại Ninh Thuận.

- Đôn đốc thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022; Thực hiện nhiệm vụ về cung cấp dịch vụ công trực tuyến và cơ chế một cửa; Tổ chức các hoạt động hướng tới kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh liệt sỹ; Tham gia lớp bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho đối tượng 4; lớp Thông tin đối ngoại.

### **III. Một số công tác trọng tâm tháng 8 năm 2022**

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2022; đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm 2022 và xây dựng kế hoạch ngành công thương năm 2023; Tiếp tục phối hợp Cung cấp tài liệu cho đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 về quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn và triển khai thực hiện; Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2022; Điều tra năng lực sản xuất năm 2022 các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung, tổ chức đoàn kiểm tra định kỳ về kỹ thuật an toàn công nghiệp (an toàn hóa chất, an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến); Huấn luyện kỹ thuật an toàn đối với hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) năm 2022. Chuẩn bị nội dung, tổ chức đoàn kiểm tra định kỳ về kỹ thuật an toàn công nghiệp (an toàn hóa chất, an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến); Đoàn liên ngành kiểm tra về công tác quản lý, sử dụng, bảo quản và vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn chỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ tỉnh Quảng Trị bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030 để trình UBND tỉnh. Xây dựng dự thảo Danh mục dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt.

- Chuẩn bị báo cáo việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 15-CTHD/TU ngày 27/4/2021 của BTV Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Báo cáo các nội dung liên quan về khảo sát thông tin để lập kế hoạch kiểm toán năm 2023 của tỉnh Quảng Trị theo yêu cầu Kiểm toán Nhà nước Khu vực II; Tiếp tục triển khai Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị theo kế hoạch vốn bố trí năm 2022

- Tiếp tục đôn đốc ngành Điện triển khai đầu tư Dự án Trạm biến áp 500kV tại Quảng Trị. Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành thủ tục đầu tư để triển khai các dự án năng lượng đảm bảo tiến độ. Tiếp tục hỗ trợ thủ tục đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 công suất 1.320MW và Nhà máy điện khí công suất 340MW trong Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Hỗ trợ Tập đoàn T&T và các Liên doanh của Hàn Quốc triển khai thủ tục đầu tư nhà máy điện khí LNG Hải Lăng 1.500 MW.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thương mại trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ). Tổ chức thực hiện đề án hỗ trợ xây dựng thương hiệu và kết nối vào chuỗi cung ứng theo chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh năm 2022 (phân bổ tại Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của tỉnh).

- Tổ chức thực hiện các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh năm 2022: Đề án hoàn thiện sản phẩm OCOP của tỉnh để kết nối vào các siêu thị trên địa bàn; Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm OCOP của tỉnh; Đề án tổ chức các đoàn kết nối cung cầu hàng hóa do Bộ Công Thương tổ chức. Tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển thương

mại điện tử của tỉnh năm 2022: Rà soát kết nối các sản phẩm OCOP của tỉnh (sản phẩm đạt tiêu chuẩn 4 sao) lên sàn giao dịch thương mại điện tử trong nước và quốc tế; Tổ chức tập huấn về thương mại điện tử thuộc chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia năm 2022.

- Triển khai kế hoạch tăng cường công tác pháp chế của Sở năm 2022; Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số cải thiện các quy định của pháp luật. Tham mưu giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của của công dân (nếu có).

- Hoàn chỉnh và ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng, Thanh tra và các phòng chuyên môn thuộc Sở. Phân công nhiệm vụ và môi liên hệ công tác của Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở Công Thương.

- Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính của Sở; Thực hiện các nội dung chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) của ngành Công Thương năm 2022; Đề xuất các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Tiếp tục triển khai thực hiện phần mềm “một cửa điện tử” tại Sở và các hoạt động duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 của Sở; Xây dựng Kế hoạch triển khai dịch vụ các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Sở năm 2023.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 7 năm 2022 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 8 năm 2022; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Hưng**

**SỞ CÔNG THƯƠNG**

Biểu 02/SCT

**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

Tháng 7 năm 2022

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 6/2022		Dự ước tháng 7/2022			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2022 so với tháng 7/2021
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>218,82</b>	<b>111,25</b>	<b>219,09</b>	<b>100,12</b>	<b>115,93</b>	<b>110,21</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	107,69	77,39	101,27	94,03	89,14	100,40
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	197,49	100,27	191,17	96,80	103,87	100,75
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	409,53	164,58	445,06	108,68	162,94	151,24
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	134,96	109,67	135,16	100,14	100,31	102,19

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị  
 Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;  
 - Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT  
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI Tháng 7 năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
<b>I</b>	<b>Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	1406	1196	11526	1146	9718	85,04%	104,33%	118,61%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	529,07	568	3810	702	4318	107,36%	80,94%	88,23%
3	Đá xây dựng	M3	52067,90	50102	378664	67420	504141	96,22%	74,31%	75,11%
4	Tinh bột sắn	Tấn	566	264	35657	252	33428	46,67%	105,00%	106,67%
5	Bia lon	1000 lít	1279	1400	6958	1099	6542	109,42%	127,36%	106,36%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	755	1000	6697	1318	7155	132,45%	75,87%	93,60%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	2862,42	2715	15364	2434	13913	94,86%	111,58%	110,43%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	8022	9385	49807	5688	39988	116,99%	165,01%	124,55%
9	Dăm gỗ	Tấn	45437	45762	278983	34013	185498	100,71%	134,54%	150,40%
10	Ván ép	M3	21017	22000	161516	22292	153607	104,68%	98,69%	105,15%
11	Dầu nhựa thông	Tấn	87	100	769	173	910	114,94%	57,80%	84,51%

12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	3820	3000	26155	4347	38186	78,53%	69,01%	68,49%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	292	300	1979	319	1964	102,79%	94,04%	100,76%
14	Săm dụng cho xe máy xe đạp	1000 cái	483	490	4094	601	2916	101,41%	81,53%	140,40%
15	Gạch xây dựng bằng đất sét nung Q/C(220x117x60mm)	1000 viên	12109	13272	83013	15012	94581	109,61%	88,41%	87,77%
16	Gạch và gạch khối bằng xi măng, bê tông..	1000 viên	4991	5847	27578	7486	38540	117,17%	78,11%	71,56%
17	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	289	292	1768	403	2821	101,04%	72,53%	62,70%
18	Điện sản xuất	Triệu KWh	224	248	1135	106	582	110,52%	233,32%	194,96%
19	Điện thương phẩm	Triệu KWh	67	70	421	69	354	104,48%	101,01%	119,09%
20	Nước máy	1000 m3	1453	1455	8578	1455	8235	100,14%	100,00%	104,17%
<b>II</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2269,40</b>	<b>2362,66</b>	<b>15414,42</b>	<b>1963,72</b>	<b>13771,15</b>	<b>104,11%</b>	<b>120,32%</b>	<b>111,93%</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán lẻ hàng hóa</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1849,53</b>	<b>1914,69</b>	<b>12578,81</b>	<b>1588,69</b>	<b>11291,57</b>	<b>103,52%</b>	<b>120,52%</b>	<b>111,40%</b>
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ</b>		<b>419,87</b>	<b>447,97</b>	<b>2835,62</b>	<b>375,03</b>	<b>2479,58</b>	<b>106,69%</b>	<b>119,45%</b>	<b>114,36%</b>
<b>2.1</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>292,00</b>	<b>314,51</b>	<b>1970,14</b>	<b>262,41</b>	<b>1743,94</b>	<b>107,71%</b>	<b>119,85%</b>	<b>112,97%</b>
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		291,79	314,21	1968,01	262,41	1742,42	107,68%	119,74%	112,95%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0,21	0,30	2,129	0,00	1,52	142,86%	-	140,34%
<b>2.2</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ khác</b>	<b>"</b>	<b>127,86</b>	<b>133,46</b>	<b>865,48</b>	<b>112,62</b>	<b>735,64</b>	<b>104,38%</b>	<b>118,51%</b>	<b>117,65%</b>